

Số: 18 /2023/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 05 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chí đánh giá, xếp loại chính quyền xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 05/2017/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục xét công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chí đánh giá, xếp loại chính quyền xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 05/2017/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu

1. Sửa đổi khoản 1 Điều 2 như sau:

“1. Giúp cấp ủy, chính quyền các huyện, thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện) và xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) đánh giá đúng thực trạng chính quyền cấp xã, từ đó có kế hoạch, giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và chất lượng thực thi nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã”.

2. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 3 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 như sau:

“d) Thực hiện kịp thời công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; triển khai, thực hiện đúng Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 như sau:

“b) Quản lý tốt việc xây dựng nhà ở của Nhân dân, cảnh quan, lòng đường, hè phố theo quy định; thực hiện tốt vệ sinh môi trường; sắp xếp các điểm chợ, vỉa hè, giết mổ gia súc, gia cầm hợp lý, vệ sinh, thu gom rác thải đúng quy định; tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở kiên cố đạt tiêu chí Quy hoạch của đô thị văn minh, tiêu chí Nhà ở của xã nông thôn mới, không có nhà tạm, dột nát; tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch ở đô thị, ở nông thôn và tỷ lệ hộ dân cư có nhà vệ sinh, nhà tắm, dụng cụ chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch đạt tỷ lệ theo tiêu chí Môi trường và an toàn thực phẩm của đô thị văn minh, xã nông thôn mới (3 điểm)”.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 6 như sau:

“a) Có kế hoạch và thực hiện phát triển giáo dục Mầm non tổ chức các lớp mẫu giáo, nhà trẻ, đạt chuẩn phổ cập giáo dục Mầm non trẻ 5 tuổi; đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt tiêu chí Giáo dục và đào tạo của xã nông thôn mới đối với xã, phổ cập giáo dục tiểu học đạt tiêu chí giáo dục đô thị của đô thị văn minh đối với phường, thị trấn (2 điểm)”.

d) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 6 như sau:

“c) Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình về Dân số kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản; vệ sinh an toàn thực phẩm, y tế cơ sở trên địa bàn; tỷ lệ người dân tham gia các loại hình bảo hiểm y tế đạt chuẩn theo tiêu chí Y tế của xã nông thôn mới, tiêu chí Y tế, giáo dục đô thị của đô thị văn minh (2 điểm)”.

đ) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 6 như sau:

“d) Các thôn, bản, tổ dân phố đều xây dựng hương ước, quy ước (được Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận) đưa vào tổ chức thực hiện; xã có tỷ lệ thôn, bản đạt tiêu chí Văn hóa của xã nông thôn mới, phường, thị trấn có tỷ lệ số hộ gia đình thực hiện nếp sống văn minh đô thị đạt tiêu chí Văn hóa, thể thao đô thị của đô thị văn minh (2 điểm)”.

e) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 như sau:

“8. Tiêu chí 8. Kết quả thực hiện Cải cách hành chính

a) Chỉ số Cải cách hành chính đạt từ 85% trở lên (8 điểm).

b) Chỉ số Cải cách hành chính đạt từ 75% đến dưới 85% (7 điểm).

c) Chỉ số Cải cách hành chính đạt từ 65% đến dưới 75% (6 điểm).

d) Chỉ số Cải cách hành chính đạt từ 50% đến dưới 65% (5 điểm).

Kết quả thực hiện Cải cách hành chính lấy từ kết quả thực hiện từ năm trước liền kề, được Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xếp loại vào năm đánh giá, xếp loại chính quyền cấp xã”.

g) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 9 như sau:

“b) Điểm thưởng khi thực hiện tốt 19 tiêu chí thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới đối với xã và 09 tiêu chí đạt chuẩn văn minh đô thị đối với phường, thị trấn: *(theo phụ lục 1 kèm theo)*.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 như sau:

“2. Xếp loại chính quyền cấp xã

a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ:

- Tổng số điểm đạt từ 85 trở lên và có ít nhất 04 tiêu chí đạt điểm tối đa, các tiêu chí còn lại đạt từ 80% điểm chuẩn trở lên.

- Tỷ lệ cán bộ, công chức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt 85% trở lên, không có cán bộ, công chức không hoàn thành nhiệm vụ.

b) Hoàn thành tốt nhiệm vụ:

- Tổng số điểm đạt 85 trở lên nhưng không đủ tiêu chuẩn đạt loại tốt hoặc tổng số điểm đạt từ 70 đến 84 và có ít nhất 02 tiêu chí đạt điểm tối đa, các tiêu chí còn lại đạt từ 70% điểm chuẩn trở lên.

- Tỷ lệ cán bộ, công chức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt 80% trở lên, không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

c) Hoàn thành nhiệm vụ:

- Tổng số điểm đạt từ 70 đến 84 nhưng không đủ tiêu chuẩn đạt loại khá hoặc tổng số điểm đạt từ 50 đến 69.

d) Không hoàn thành nhiệm vụ:

Tổng số điểm đạt dưới 50 hoặc khi để xảy ra một trong các hình thức sau:

- Hội đồng nhân dân bị giải tán.

- Tập thể Ủy ban nhân dân bị kỷ luật.

- Đại biểu Hội đồng nhân dân bỏ phiếu tín nhiệm thấp trên 50% đối với một trong các chức danh Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân (chỉ tính vào năm lấy phiếu tín nhiệm).

- Có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật do tham nhũng.

- Có cán bộ, công chức, bị phạt tù do vi phạm pháp luật trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ.

- Có 3 tiêu chí trở lên đạt dưới 50% số điểm chuẩn.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 5 như sau:

“1. Sau khi có kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức của cấp có thẩm quyền và báo cáo tổng kết năm của cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo xây dựng dự thảo tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ của chính quyền cấp xã gửi Đảng ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội cấp xã và thành viên Ủy ban nhân dân cấp xã tham gia ý kiến.

2. Sau khi có ý kiến của Đảng ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các thành viên Ủy ban nhân dân, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội cấp xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, hoàn thiện, tổ chức họp với Thường trực Hội đồng nhân dân (thành phần họp gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân) để xem xét, góp ý và thống nhất cho điểm từng nội dung, hoàn thiện hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 31 tháng 12 hằng năm”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Thẩm định, quyết định xếp loại chính quyền xã, phường, thị trấn

1. Thành lập Hội đồng thẩm định

Phòng Nội vụ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ xếp loại chính quyền cấp xã hằng năm, thành phần gồm: Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện; các thành viên Hội đồng thẩm định gồm Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Trưởng các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Trưởng Công an cấp huyện, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp huyện, Trưởng phòng Nội vụ là thành viên kiêm thư ký.

2. Trình tự thẩm định

a) Sau khi nhận đủ hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã, Hội đồng thẩm định phải tiến hành họp để thẩm định hồ sơ kết quả tự đánh giá, xếp loại của chính quyền cơ sở và bỏ phiếu chấm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ của chính quyền cấp xã. Hội đồng thẩm định có thể mời đại diện lãnh đạo cấp ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Mặt trận Tổ quốc cấp huyện cùng dự để cho ý kiến vào kết quả đánh giá, xếp loại chính quyền cơ sở.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng thẩm định: Thẩm định hồ sơ kết quả tự đánh giá xếp loại của chính quyền cấp xã và bỏ phiếu chấm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ của chính quyền cấp xã.

c) Hội đồng thẩm định họp khi có 2/3 số thành viên trở lên tham dự.

d) Điểm xếp loại chính quyền cấp xã là điểm trung bình cộng của tất cả các phiếu điểm của thành viên dự họp.

đ) Biên bản họp Hội đồng thẩm định phải ghi đầy đủ ý kiến đóng góp của các thành viên, điểm trung bình cộng của các thành viên. Các phiếu chấm điểm của thành viên dự họp được lưu cùng hồ sơ đánh giá, xếp loại chính quyền xã của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Thẩm quyền đánh giá, xếp loại

Trên cơ sở thẩm định kết quả chấm điểm đánh giá, xếp loại chính quyền cấp xã, Phòng Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đánh giá, xếp loại chính quyền xã, phường, thị trấn”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Chế độ thông tin, báo cáo

Chậm nhất ngày 31 tháng 01 năm sau liền kề, Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại chính quyền cấp xã về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để tổng hợp, theo dõi.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Khen thưởng và kỷ luật

1. Khen thưởng

Hằng năm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ kết quả xếp loại chính quyền cấp xã, Quyết định khen thưởng những đơn vị tiêu biểu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

2. Kỷ luật

Đối với chính quyền xã, phường, thị trấn xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ, Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ tính chất, mức độ vi phạm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành thực hiện việc kiểm điểm đối với tổ chức và cá nhân có liên quan; đồng thời yêu cầu tổ chức vi phạm xây dựng kế hoạch khắc phục những hạn chế, yếu kém của chính quyền xã, phường, thị trấn đó”.

Điều 2. Bãi bỏ một số nội dung của Quy định tiêu chí đánh giá, xếp loại chính quyền xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 05/2017/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu

1. Bãi bỏ Phụ lục số 01 kèm theo Quy định.

2. Bãi bỏ cụm từ “theo phụ lục 1 đính kèm” tại điểm b khoản 3 Điều 5.

Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2023.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Báo Lai Châu;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Văn Lương

BIỂU ĐIỂM THƯỜNG KHI THỰC HIỆN TỐT CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI VÀ ĐÔ THỊ VĂN MINH
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 18 /2023/QĐ-UBND ngày 05/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

STT	Nội dung	Điểm thưởng
I	Điểm thưởng đối với xã khi thực hiện tốt 19 tiêu chí về nông thôn mới	
1	Đối với các xã không thuộc xã điểm Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Lai Châu	
a	Đạt tăng thêm so với năm trước 2 tiêu chí	01 điểm
b	Đạt tăng thêm so với năm trước 3 tiêu chí	02 điểm
c	Đạt tăng thêm so với năm trước 4 tiêu chí	03 điểm
d	Đạt tăng thêm so với năm trước 5 tiêu chí trở lên	04 điểm
đ	Các xã đã đạt từ 15 tiêu chí trở lên, trong năm hoàn thành thêm các tiêu chí và đạt 19/19 tiêu chí	04 điểm
e	Các xã đã đạt 19/19 (100%) tiêu chí, trong năm tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí	04 điểm
2	Đối với các xã thuộc xã điểm Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Lai Châu:	
a	Đạt tăng thêm so với năm trước 3 tiêu chí	01 điểm
b	Đạt tăng thêm so với năm trước 4 tiêu chí	02 điểm
c	Đạt tăng thêm so với năm trước 5 tiêu chí	03 điểm
d	Đạt tăng thêm so với năm trước 6 tiêu chí trở lên	04 điểm
đ	Các xã đã đạt từ 14 tiêu chí trở lên, trong năm hoàn thành thêm các tiêu chí và đạt 19/19 tiêu chí	04 điểm
e	Các xã đã đạt 19/19 (100%) tiêu chí, trong năm tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí	04 điểm
II	Điểm thưởng đối với phường, thị trấn khi thực hiện tốt 9 tiêu chí đô thị văn minh	
1	Đạt 6/9 tiêu chí	01 điểm
2	Đạt 7/9 tiêu chí	02 điểm
3	Đạt 8/9 tiêu chí	03 điểm
4	Đạt 9/9 tiêu chí (phường, thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh)	04 điểm